TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 57/2022/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 11 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2022/ TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa:

-Nguyên đơn: Chị Tải Thị Thùy T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

-Bị đơn**:** Anh Kim D, sinh năm 1976.

Địa chỉ:Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sư năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 , 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: : Chị Tải Thị Thùy T và anh Kim D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tải Thị Thùy T và anh Kim D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Kim Tải Thị TT; sinh ngày 04/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn lại Kim Tải MX; sinh ngày 17/7/2007; chị T và anh D tự thỏa thuận thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng (đây cũng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu MX được sống chung với mẹ là chị T), chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực

tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

-Tài sản chung- Nợ chung: Chị T và anh D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị T tự nguyện nộp toàn bộ, anh D không phải nộp. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009716 ngày 23 /02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C thì chị T đã nộp án phí xong và được nhận lại tiền án phí còn lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-THA huyện Trà Cú;
-Các đương sự;
- UBND xã;
-Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Thanh